

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG ADVISORY AND TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANG LONG ATL., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108828617

3. Ngày thành lập: 17/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 203 Bế Văn Đàn, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây hàng năm khác	0119
3.	Trồng cây ăn quả	0121
4.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
5.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Khai thác gỗ	0220
8.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
10.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
14.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
15.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
16.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
17.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

21.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
25.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
26.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
27.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
28.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
29.	Thu gom rác thải độc hại	3812
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
32.	Tái chế phế liệu	3830
33.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng nhà không để ở	4102
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38.	Xây dựng công trình điện	4221
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
42.	Xây dựng công trình thủy	4291
43.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
44.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Phá dỡ	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
52.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
53.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ đầu giá	4530
55.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

56.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Loại trừ đầu giá	4543
57.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Loại trừ đầu giá	4610
58.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
60.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
61.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
65.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
67.	Bán buôn tổng hợp Trừ loại nhà nước cấm	4690(Chính)
68.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ đầu giá	4774
69.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72.	Bốc xếp hàng hóa	5224
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Loại trừ các dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không	5229
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
76.	Cơ sở lưu trú khác	5590
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
79.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	6499
80.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619

81.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;	6810
82.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Tư vấn bất động sản;	6820
83.	Quảng cáo	7310
84.	Cho thuê xe có động cơ	7710
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
86.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.	7810
87.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
88.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
89.	Đại lý du lịch	7911
90.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
91.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
92.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
93.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
94.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
95.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
96.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
97.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Loại trừ hợp báo	8230
98.	Dịch vụ đóng gói	8292
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
100.	Đào tạo sơ cấp	8531
101.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
102.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
103.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
104.	Hoạt động thể thao khác	9319
105.	Đào tạo trung cấp	8532
106.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

6. **Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT A&T VIỆT NAM	Phòng 315, nhà B Khách sạn thể thao, Làng Sinh viên HACINCO, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	25,000	0102392885	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	25,000		
2	VŨ THANH HÀ	Số 14 ngách 168/85 Đường Kim Giang, tổ 30, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	25,000	038069007483	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	25,000		

3	NGUYỄN HỒNG LONG	Căn hộ 3115 nhà R1 Chung cư Royal City, 73 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	25,000	012094077	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	25,000		
4	NGUYỄN THỊ NGỌC	Số 203 Bế Văn Đàn, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	25,000	010195986	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THANH HÀ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *04/06/1969*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *038069007483*

Ngày cấp: *10/04/2019*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 14 ngách 168/85 Đường Kim Giang, Tổ 30, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 14 ngách 168/85 Đường Kim Giang, Tổ 30, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*